UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI **BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/GPMT-BQL	*Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2025*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố;

Căn cứ Quyết định số 6646/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội tại Văn bản số 283/XPHN-KT ngày 30/12/2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Cơ sở "Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 46/TTr-QLTNMT ngày 20/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội, địa chỉ trụ sở chính: Số 233B, đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở: "Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội" tại Lô CN 3.2, Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: "Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội".

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN 3.2, Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100100311 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 27/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 08/06/2022; Giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án 01221000326 do Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp chứng nhận lần đầu ngày 29/07/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 06/08/2010;

1.4. Mã số thuế: 0100100311.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm xà phòng bánh, các loại nước giặt, nước lau sàn, nước rửa tay.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Tổng mức đầu tư: 114.117.499.875 đồng (Một trăm mười bốn tỷ, một trăm mười bảy triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng).

- Diện tích đất sử dụng: 18.500,7 m^2.

- Công suất cơ sở: 29.000 tấn sản phẩm lỏng/năm, 7.000 tấn sản phẩm xà phòng bánh/năm, 12.000.000 chai nhựa/năm. Trong đó:

- Quy mô: Cơ sở tương đương dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, cơ quan chức năng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội để được hướng dẫn.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm kể từ ngày ký**.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý tài nguyên và môi trường tham mưu để phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, UBND huyện Thạch Thất và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- UBND Thành phố
- PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền (để b/c);
- Văn phòng UBNDTP
- Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (để ph/h);
- UBND huyện Thạch Thất
- Văn phòng BQL (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hà Tây;
- Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội;
- Lưu: VT, QLTNMT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Trần Anh Tuấn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22/GPMT-BQL ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 1: Nước thải từ nhà vệ sinh số 1 thuộc nhà điều hành.

+ Nguồn số 2: Nước thải từ nhà vệ sinh số 2 thuộc xưởng sản xuất chai nhựa.

+ Nguồn số 3: Nước thải từ các hệ thống khử khoáng (trao đổi ion).

+ Nguồn số 4: Nước thải sản xuất (vệ sinh thiết bị, dụng cụ, nhà xưởng) tại xưởng tẩy rửa.

+ Nguồn số 5: Nước thải từ phòng thí nghiệm.

+ Nguồn số 6: Nước xả cặn lò hơi.

- Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường 2020 (do nước thải sau khi xử lý tại 03 hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở được đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai; không xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường).

- Chủ cơ sở đã có thỏa thuận đấu nối và ký Hợp đồng thoát nước và xử lý nước thải với Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Địa chất (là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải tách biệt hoàn toàn với hệ thống thu gom nước mưa.

- Hệ thống thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m^3/ngày.đêm cụ thể như sau:

+ Nguồn số 1: Nước thải từ nhà vệ sinh số 1 thuộc nhà điều hành → đường ống PVC D110 → Bể tự hoại (V=6m^3) → Bể gom số 1 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20m^3/ngày.đêm để xử lý → Hồ chứa chung.

+ Nguồn số 2: Nước thải từ nhà vệ sinh số 2 thuộc xưởng sản xuất chai nhựa → đường ống PVC D110 → Bể tự hoại (V=12m^3) → Bể gom số 1 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20m^3/ngày.đêm để xử lý → Hồ chứa chung.

- Hệ thống thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải khử khoáng công suất 20 m^3/ngày.đêm cụ thể như sau:

+ Nguồn số 3: Nước thải từ các hệ thống khử khoáng (trao đổi ion)→ đường ống PVC D48 → bể gom số 2 → Hệ thống xử lý nước thải khử khoáng công suất 20m^3/ngày.đêm để xử lý → Hồ chứa chung.

- Hệ thống thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 6 m^3/ngày.đêm cụ thể như sau:

+ Nguồn số 4: Nước thải sản xuất (vệ sinh thiết bị, dụng cụ, nhà xưởng) tại xưởng tẩy rửa → Đường ống D110 → Đường ống BTCT D600 → Bể gom số 3 → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 6m^3/ngày.đêm để xử lý → Hồ chứa chung.

+ Nguồn số 5: Nước thải từ phòng thí nghiệm → Đường ống D110 → Đường ống BTCT D600 → Bể gom số 3 → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 6m^3/ngày.đêm để xử lý → Hồ chứa chung.

+ Nguồn số 6: Nước xả cặn lò hơi → Đường ống D110 → Đường ống BTCT D600 → Bể gom số 3 → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 6m^3/ngày.đêm để xử lý → Hồ chứa chung.

- Mạng lưới thoát nước thải sau xử lý từ các hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sau khi được xử lý từ 03 hệ thống xử lý nước thải → Hồ chứa chung → đường ống PVC D110 → Đấu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai *(qua 01 điểm đấu nối, tọa độ: X(m) = 2 324 491; Y(m) = 565 856 theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^o, múi chiếu 3^o).*

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Bể gom số 1 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20m^3/ngày.đêm để xử lý→ Hồ chứa chung → Hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai.

- Số lượng, vị trí của bể tự hoại: 02 bể, tổng thể tích 18 m^3.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (nguồn số 01, 02 sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại) → Bể gom số 1 → Bể điều hoà → Bể hiếu khí (sục khí) → Bể lắng (bùn dư đưa về bể chứa bùn) → Bể khử trùng (bổ sung Javen) → Lọc cát →Hồ chứa chung → Hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai.

- Công suất thiết kế: 20 m^3/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Metanol, Javen (NaClO) hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm

chất ô nhiễm.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (nguồn số 04, 05, 06) → Bể gom số 3 → Bể điều hoà → Bể điều chỉnh pH → Bể phản ứng tạo bông → Bể lắng cấp 1 → Bể thiếu khí →Bể phản ứng tạo bông → Bể lắng cấp 2 → Tháp lọc cát → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Hồ chứa chung → Hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai.

- Công suất thiết kế: 6 m^3/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, H_2SO_4, PAC, Polymer hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu theo quy định đấu nối và không phát sinh thêm chất ô nhiễm.

1.2.4. Hệ thống xử lý nước thải khử khoáng:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (nguồn số 03) → Bể gom số 2 → Bể điều hoà → Bể điều chỉnh pH → Bể phản ứng tạo bông → Bể lắng →Tháp lọc cát →Tháp hấp phụ than hoạt tính → Hồ chứa chung → Hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai.

- Công suất thiết kế: 20 m^3/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, H_2SO_4, PAC, Polymer hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên kiểm tra tình trạng nước thải tại điểm đấu nối; bố trí nhân viên có chuyên môn phụ trách vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Có biện pháp ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp lưu lượng nước thải tăng, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, sự cố liên quan đến nứt vỡ đường ống thu gom và thoát nước thải; trang bị một số thiết bị chủ yếu có nguy cơ mài mòn, thường xuyên bị hư hỏng để kịp thời thay thế khi gặp sự cố. Khi sự cố xảy ra, không xả nước thải ra môi trường và kịp thời thực hiện các biện pháp khắc phục; trong trường hợp không thể khắc phục sự cố, báo cáo với Chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và thuê đơn vị đủ chức năng đến vận chuyển xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 05/2024/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy

định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo yêu cầu đấu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, không xả trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai để tiếp tục xử lý.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất vận hành hiệu quả hệ thống xử lý sơ bộ và các công trình ứng phó sự cố đối với nước thải.

3.4. Vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Nhà máy.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22/GPMT-BQL ngày 21tháng 02 năm 2025 của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Khu vực phòng máy nén khí;

- Nguồn số 2: Khu vực các trạm xử lý nước thải (nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, nước thải khử khoáng)

- Nguồn số 3: Khu vực máy nghiền xưởng chai nhựa.

- Nguồn số 4: Khu vực máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: tọa độ X (m) = 2 324 768; Y (m)= 565 816

- Nguồn số 02: tọa độ X (m) = 2 324 781; Y (m) = 565 806

- Nguồn số 03: tọa độ X (m) = 2 324 596; Y(m) = 565 855

- Nguồn số 04: tọa độ X (m) = 2 324 510; Y (m) = 565 841

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^o, múi chiếu 3^o)

3. Giới hạn cho phép:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

- Sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo các thông số kỹ thuật.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22/GPMT-BQL ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải vô cơ từ Hệ thống xử lý nước thải sản xuất	12 06 05	900
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 03	60
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ, hóa chất	18 02 01	60
4	Thiết bị linh kiện điện tử thải (đèn led, ...)	16 01 13	4,8
5	Pin, ắc quy thải	19 06 01	1,2
6	Thùng can bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	520
7	Bao bì cứng bằng kim loại thải	18 01 02	200
8	Hạt nhựa trao đổi ion đã qua sử dụng	12 06 01	84
Tổng			**1.830**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì, bao gói nguyên liệu, giấy vụn, thùng carton, nhựa, sắt, nilong…	19.200

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	59.900
2	Bùn thải từ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	12.000

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: các thùng chứa dung tích 20-50 lít được dán nhãn tên và mã chất thải theo quy định cho từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 01 kho chứa với diện tích 6 m^2, bố trí bên ngoài khu vực xưởng sản xuất và bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải sản xuất dung tích 1,5 m^3

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kết cấu mái che kín, tường bao quanh, nền bê tông chống thấm, có cửa khóa, có biển cảnh báo chất thải nguy hại, dán mã chất thải theo quy định, có khu vực đựng dụng cụ chống tràn đổ hóa chất, dụng cụ bảo hộ và bình chữa cháy theo quy định.

2.1.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có dung tích 50-200 lít bằng nhựa có nắp đậy tại các khu sản xuất được dán nhãn tên.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 01 kho chứa với tổng diện tích 20 m^2 , bố trí bên ngoài khu vực xưởng sản xuất.

- Thiết kế, cấu tạo của các kho lưu chứa: Kết cấu mái che kín, sàn đổ bê tông, tường chống thấm có cửa khóa, có biển báo.

2.2.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng dung tích 20 lít tại khu nhà ăn và các thùng dung tích 5-10 lít tại khu văn phòng.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được lưu chứa tại bể chứa bùn có dung tích 10m^3 tại khu vực xử lý nước thải.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 01 kho với diện tích 5 m^2, bố trí bên ngoài khu vực xưởng sản xuất.

- Thiết kế, cấu tạo của các kho lưu chứa: có kết cấu mái che kín, sàn đổ bê tông, tường chống thấm, có cửa khóa, có biển báo.

2.3.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với quản lý chất thải; các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải:

- Tuân thủ nghiêm túc việc thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và

Môi trường.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Định kỳ kiểm tra các thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải, khí thải; thường xuyên theo dõi quá trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống xử lý nước thải, khí thải; đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

4. Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, đảm bảo không được gây ô nhiễm môi trường và thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22/GPMT-BQL ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ theo quy định hiện hành.

4. Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đấu nối và xử lý sơ bộ nước thải đạt yêu cầu quy định của Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường).

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.